

Tình yêu quê hương - triết lý cộng sinh và tình làng nghĩa xóm

ISSN: 2734-9195 15:10 15/10/2025

“Đừng đi tìm quê hương ở xa; quê hương người chính là nơi tâm hồn người tìm thấy sự an bình”

Tác giả: **ThS. Nguyễn Hoàng Hành**

Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo – Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Tóm tắt

Bài viết “**Tình yêu Quê hương** - Triết lý cộng sinh và tình làng nghĩa xóm” khẳng định rằng tình yêu quê hương, dưới ánh sáng Phật học, không chỉ là tình cảm bản năng mà là một triết lý cộng sinh (dependent origination), nơi cá nhân hòa vào cộng đồng, gia đình hòa vào làng xã và dân tộc hòa vào nhân loại. Bài viết triển khai từ nền tảng các kinh điển Phật học (Kinh Pháp cú, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Kim Cang, Kinh Vu Lan) đến so sánh Đông – Tây, liên hệ văn hóa – văn học Việt Nam, và ứng dụng trong kỷ nguyên mới (AI, toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế). Trên cơ sở các Nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị (57, 59, 66, 68) cùng tư tưởng Hồ Chí Minh, phát biểu của nguyên TBT Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Tô Lâm và Hòa thượng Pháp chủ Thích Trí Quảng, bài viết khẳng định: tình yêu quê hương hôm nay phải trở thành một chiến lược phát triển bền vững, vừa nhân văn vừa chính trị.

Từ khóa: Tình yêu quê hương; Triết lý cộng sinh; Phật học ứng dụng; Văn hóa Việt Nam; Hội nhập quốc tế.

Abstract

The article “**Love for Homeland** - The Philosophy of Co-existence and Village Solidarity” argues that homeland love, under Buddhist philosophy, is not merely instinctive sentiment but a philosophy of co-existence (dependent origination), where individuals merge with communities, families with villages, and nations

with humanity. It is developed through Buddhist scriptures (Dhammapada, Avatamsaka Sutra, Diamond Sutra, Ullambana Sutra), East-West comparative analysis, Vietnamese cultural and literary references, and applications in the new era (AI, globalization, climate change, international integration). Grounded in major Resolutions of the Politburo (57, 59, 66, 68) and the thoughts of Ho Chi Minh, General Secretary Nguyen Phu Trong, General Secretary To Lam, and the Supreme Patriarch Thich Tri Quang, the article concludes that homeland love today must become a sustainable development strategy – both humanistic and political.

Keywords: Love for homeland; Philosophy of co-existence; Applied Buddhism; Vietnamese culture; Global integration.

1. Mở đầu

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: *“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước”* (Hồ Chí Minh, 2011, tr. 171). Lời Người không chỉ là nhận định lịch sử, mà còn là minh triết sống động: tình yêu quê hương, yêu nước là mạch ngầm bất tận nuôi dưỡng sự tồn tại của dân tộc. Nó vừa là sức mạnh vật chất khi nhân dân đồng lòng chống giặc ngoại xâm, vừa là sức mạnh tinh thần khi con người vượt qua đói nghèo, gian khó để dựng xây đất nước.

Trong ánh sáng Phật học, tình yêu quê hương không đơn thuần là nỗi nhớ cội nguồn, cũng không chỉ là cảm xúc gắn bó với *“chùm khế ngọt”* (ca dao) hay *“mái đình làng biếc khói lam chiều”*. Tình yêu ấy, sâu xa hơn, chính là triết lý cộng sinh – một triết lý khẳng định mối liên hệ duyên khởi giữa cá nhân và cộng đồng, giữa con người và thiên nhiên, giữa hiện tại và quá khứ, giữa *“ngiệp riêng”* và *“ngiệp chung”*. Đức Phật trong Kinh Pháp cú đã khai thị: *“Tâm dẫn đầu các pháp, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Nếu nói hay hành động với tâm ô nhiễm, khổ đau sẽ theo sau như bánh xe lăn theo chân bò kéo”* (Kinh Pháp cú, kệ 1). Quê hương an lạc hay bất an, bền vững hay suy tàn, chính là tấm gương phản chiếu của tâm và hành động tập thể.

Hòa thượng Thích Trí Quảng, Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, từng dạy: *“Tình thương chân thật phải được xây dựng trên trí tuệ, có trí tuệ mới có từ bi”* (Trí Quảng, 2023). Đặt vào tình yêu quê hương, lời dạy ấy là lời nhắc nhở tha thiết: không thể yêu quê hương chỉ bằng nỗi hoài niệm mơ hồ hay tự hào suông. Tình yêu ấy phải gắn liền với trí tuệ hành động: giữ gìn môi trường, bảo

vệ bản sắc, xây dựng khối đại đoàn kết, nuôi dưỡng cộng đồng nghĩa tình. Yêu quê hương không chỉ là đứng dưới mái đình nhớ về một thời thơ ấu, mà còn là góp sức dựng trường học, trồng cây xanh, giữ vững tình làng nghĩa xóm.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhiều lần khẳng định: *“Văn hóa còn thì dân tộc còn, văn hóa mất thì dân tộc mất”* (ĐCSVN, 2021, tr. 214). Văn hóa – ở nghĩa căn cơ nhất – chính là tình yêu quê hương được kết tinh thành lối sống cộng đồng. Khi những người nông dân chia nhau bát cơm độ nhật, khi hàng xóm giúp nhau dựng nhà trong ngày mưa gió, khi cộng đồng cùng nhau xây dựng hương ước giữ gìn tình nghĩa, ấy là lúc văn hóa đang hiện hữu, bảo vệ hồn dân tộc.

Quê hương trong tâm thức người Việt luôn là chốn trở về, nơi lưu giữ ký ức cộng đồng và bồi đắp tình nghĩa xóm làng. Ca dao từng nhắc: *“Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”*, khẳng định tinh thần cộng sinh, nương tựa. Trong kỷ nguyên mới, giá trị ấy càng được soi chiếu qua thông điệp chính trị – tư tưởng về hòa hợp dân tộc. Tổng Bí thư Tô Lâm, trong diễn văn kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đã nhấn mạnh: *“Ngày 30 tháng 4 mãi mãi là biểu tượng của khát vọng hòa bình, của tinh thần đoàn kết, hòa hợp dân tộc”* (Tô Lâm, 2025a). Câu nói ấy không chỉ khắc họa tầm vóc lịch sử, mà còn gợi nhắc mỗi chúng ta rằng tình yêu quê hương hôm nay phải trở thành sức mạnh kết nối cộng đồng, từ làng xã đến quốc gia – để dựng xây một xã hội chan hòa nhân ái và phát triển bền vững.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, nguyên lý *“nhất thiết duy tâm tạo”* vang vọng như một chân lý, mọi hiện tượng thế giới đều là kết quả của tâm. Khi tâm con người nhuốm đầy ích kỷ, chia rẽ, vô minh, quê hương tất yếu rơi vào hỗn loạn. Khi tâm con người chan chứa từ bi, trí tuệ, cộng sinh, quê hương sẽ nở hoa an lạc. Vì thế, tình yêu quê hương, trong Phật học, không dừng ở cảm xúc hoài niệm, mà trở thành sự lựa chọn đạo đức: ta gieo gì cho quê hương hôm nay thì thế hệ mai sau sẽ gặt lấy.

Trong văn hóa Việt Nam, quê hương không bao giờ chỉ là khái niệm địa lý. Nó là không gian đạo đức, là *“môi trường nhân cách”* nơi mỗi con người trưởng thành. Nguyễn Bính từng viết: *“Làng tôi nghèo gạch đỏ tường vôi/Tôi yêu lắm mái đình cong cổ kính”*. Trịnh Công Sơn khẳng định: *“Quê hương mỗi người chỉ một, như là chỉ một mẹ thôi”*. Ca dao dân gian gói gọn trong hình ảnh: *“Quê hương là đường đi học, con về rợp bướm vàng bay”*. Mỗi biểu tượng đều khắc sâu một sự thật: quê hương là chiếc nôi đạo lý, là mái nhà tâm linh của cộng đồng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, trí tuệ nhân tạo và biến đổi khí hậu, tình yêu quê hương càng không thể hiểu theo nghĩa hẹp. Nó phải mở rộng thành trách nhiệm

công dân toàn cầu, biết giữ gìn bản sắc để hội nhập mà không hòa tan, biết bảo vệ môi trường để sống hòa hợp với hành tinh, biết trân trọng di sản quê hương như một phần của kho tàng chung nhân loại. Tình yêu quê hương, dưới ánh sáng Phật học, trở thành cầu nối giữa bản sắc và toàn cầu, giữa truyền thống và hiện đại, giữa cộng sinh làng xã và trách nhiệm quốc tế.

Nói cách khác, tình yêu quê hương không chỉ là *“tấm lòng nhớ đất nhớ người”*, mà là nguyên lý đạo đức và triết học sống động, soi sáng từng hành vi nhỏ bé hằng ngày và định hình cả chiến lược phát triển quốc gia. Nó chính là nhịp cầu nối cá nhân với cộng đồng, là sức mạnh mềm của dân tộc, là ánh sáng soi đường trong kỷ nguyên chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

2. Cơ sở Phật học

Trong kho tàng Phật học, quê hương không chỉ là một *“khái niệm địa lý”* mà còn là một *“thực tại nhân duyên”*. Mỗi mái nhà, mỗi cánh đồng, mỗi nhánh tre đều được hình thành từ vô số mối tương quan: thiên nhiên – con người – cộng đồng. Nếu theo cách nói dân gian, quê hương là *“đất lành chim đậu”*, thì trong Phật học, quê hương là nghiệp chung – **“cộng nghiệp”** của một cộng đồng, nơi phúc và họa được chia sẻ, nơi mỗi người vừa là chủ thể vừa là hệ quả của tổng thể trùng trùng duyên khởi.

2.1. Kinh Pháp cú – Tâm và cộng đồng

Ngay mở đầu Kinh Pháp cú, đức Phật đã chỉ rõ: *“Ý dẫn đầu các pháp, ý làm chủ, ý tạo tác. Nếu với ý thanh tịnh mà nói năng hay hành động, an lạc sẽ theo ta như bóng không rời hình”* (Kinh Pháp cú, kệ 2).

Thông điệp ở đây rất căn bản: mọi phúc lạc hay khổ đau trong cộng đồng đều khởi nguyên từ tâm. Nếu trong một làng quê, người người giữ tâm thanh tịnh, biết kính trên nhường dưới, biết sống “*tứ trọng ân*” (ân cha mẹ, ân chúng sinh, ân quốc gia, ân Tam bảo), thì xóm làng tự nhiên êm ấm, gắn bó. Ngược lại, nếu mỗi cá nhân nuôi dưỡng tham – sân – si, thì cả làng sẽ bị cuốn vào vòng xoáy bất an, chia rẽ, suy tàn. Tình yêu quê hương, theo tinh thần Pháp cú, bắt đầu từ việc tu dưỡng tâm mình để cùng gieo phúc cho cộng đồng. Đó là khởi điểm của “*triết lý cộng sinh*”.

2.2. Kinh Hoa Nghiêm - Trùng trùng duyên khởi và nguyên lý cộng sinh

Trong Kinh Hoa Nghiêm, đức Phật khai thị nguyên lý “*Nhất thiết duy tâm tạo*” và cảnh giới “*sự sự vô ngại pháp giới*”: mọi hiện tượng tồn tại đều trong mối quan hệ trùng trùng duyên khởi, không gì độc lập.

Nếu đặt nguyên lý này vào đời sống thôn quê Việt Nam, ta thấy rõ sự cộng sinh: một mái nhà được dựng nên không chỉ nhờ công chủ nhân, mà còn bởi bàn tay láng giềng góp tre, người họ hàng cho vay lúa, trẻ con trong xóm chạy đi gọi thợ. Một vụ mùa thắng lợi không chỉ là công của người cày ruộng, mà còn nhờ trời mưa thuận gió hòa, nhờ bà con chung tay đắp bờ giữ nước. Khi con người biết tôn trọng nguyên lý cộng sinh ấy, tình yêu quê hương không còn là “*cảm xúc riêng tư*” mà là trách nhiệm chung: ai cũng giữ gìn, ai cũng vun bồi, thì quê hương mới bền vững.

2.3. Kinh Kim Cang - Vô ngã và trách nhiệm cộng đồng

Trong Kinh Kim Cang, đức Phật dạy: “*Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*” – hãy phát khởi tâm nhưng đừng trụ chấp vào ngã sở. Vô ngã không phải là phủ nhận bản thân, mà là nâng bản thân lên tầm trách nhiệm cộng đồng.

Yêu quê hương theo tinh thần Kim Cang nghĩa là vượt qua cái tôi ích kỷ để hòa mình vào cái ta chung. Người nông dân trồng lúa không chỉ vì nể cơm nhà mình, mà còn để cả làng có đủ gạo ăn. Người chiến sĩ giữ đất không chỉ để bảo vệ mảnh vườn riêng, mà để con cháu muôn đời còn non sông.

Vô ngã, vì thế, trở thành nền tảng đạo đức của tình yêu quê hương: yêu không phải để chiếm hữu, mà để hiến dâng; yêu không phải để ràng buộc, mà để giải thoát.

2.4. Kinh Vu Lan - Hiếu nghĩa và gốc rễ của tình yêu quê hương

Trong Kinh Vu Lan, câu chuyện Tôn giả Mục Kiền Liên cứu mẹ cho thấy: hiếu đạo không chỉ là tình riêng, mà còn mở rộng ra tình cộng đồng. Một người con hiếu thảo không thể nào thấy xóm làng đói khát mà yên lòng, không thể nào để quê hương lụi tàn mà chỉ chăm chút cho cha mẹ mình.

Chính từ nền tảng Vu Lan, ta nhận ra: hiếu với cha mẹ cũng là hiếu với quê hương. Quê hương là “*mẹ lớn*” nuôi dưỡng mẹ cha ta, là “*nôi*” sinh thành và che chở muôn thế hệ. Hiếu nghĩa – cội nguồn của đạo làm người – cũng chính là cội nguồn của tình yêu quê hương.

2.5. Từ bi - Trí tuệ - Cộng sinh: Tam trụ cột của tình yêu quê hương

Phật học khẳng định, mọi giá trị bền vững đều phải đứng trên ba trụ cột: Từ bi, Trí tuệ, Cộng sinh.

- Từ bi: là lòng thương yêu đồng loại, là sự sẻ chia, nâng đỡ. Trong bối cảnh làng quê, đó là hình ảnh “*tối lửa tắt đèn có nhau*”, là những nỗi cháo tình thương, là việc chung tay cứu trợ khi bão lũ.

- Trí tuệ: là cái nhìn xa, biết bảo vệ môi trường, gìn giữ nguồn nước, giữ rừng đầu nguồn, xây dựng hương ước văn minh. Tình yêu quê hương không thể chỉ dừng ở tình cảm, mà phải trở thành chiến lược phát triển bền vững.

- Cộng sinh: là thấu hiểu rằng mỗi người đều nương tựa nhau mà sống. Một gia đình giàu sang không thể yên vui giữa một làng nghèo đói; một nhà thờ khang trang không thể bình an nếu chung quanh là cảnh hoang phế.

Khi ba trụ cột ấy hòa hợp, tình yêu quê hương trở thành một đạo lý nhân sinh toàn diện, vừa là cảm xúc, vừa là trách nhiệm, vừa là minh triết phát triển.

2.6. Phật học và chính trị - sự giao thoa tất yếu

Không phải ngẫu nhiên mà các văn kiện của Đảng luôn đặt trọng tâm vào văn hóa, đoàn kết và cộng đồng. Nghị quyết 66-NQ/TW (2025) nhấn mạnh: “*Pháp luật phải gắn với đời sống nhân dân, bảo vệ lợi ích cộng đồng, xây dựng xã hội hài hòa*”. Điều này có sự đồng vọng sâu sắc với triết lý cộng sinh của Phật học: cái lợi của cá nhân chỉ bền vững khi hòa vào lợi ích chung.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng nói: *“Phát triển kinh tế phải đi liền với phát triển văn hóa, xây dựng con người; bởi nếu kinh tế là thân thể thì văn hóa chính là linh hồn của dân tộc”* (ĐCSVN, 2021). Trong ánh sáng ấy, tình yêu quê hương không thể chỉ đo bằng GDP hay chỉ số phát triển, mà phải đo bằng tình làng nghĩa xóm, bằng đạo lý cộng sinh của cộng đồng.

2.7. Tư tưởng xuyên suốt

Có thể nói, cơ sở Phật học đã đặt nền móng vững chắc cho tình yêu quê hương như một triết lý cộng sinh.

- Pháp cú dạy về tâm.
- Hoa Nghiêm dạy về duyên khởi cộng sinh.
- Kim Cang dạy về vô ngã và trách nhiệm cộng đồng.
- Vu Lan dạy về hiếu nghĩa và cội nguồn tình yêu quê hương.

Khi kết hợp lại, ta có một hệ hình hoàn chỉnh: yêu quê hương là yêu bằng tâm thanh tịnh, bằng trí tuệ vô ngã, bằng lòng từ bi cộng sinh, và bằng đạo hiếu nghĩa trải dài từ gia đình đến cộng đồng, từ cộng đồng đến dân tộc.

Đây chính là ánh sáng Phật học soi rọi để chúng ta hiểu rằng tình yêu quê hương không phải chỉ là ký ức tuổi thơ hay lời ca dao, mà là một nguyên lý nhân sinh bền vững, có khả năng dẫn dắt xã hội phát triển hài hòa trong kỷ nguyên mới.

3. So sánh Đông - Tây, Kim - Cổ

Nếu Phật học khẳng định tình yêu quê hương là một triết lý cộng sinh, thì các nền văn hóa Đông - Tây, từ cổ chí kim, cũng đã phác họa tình yêu ấy bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Có thể khác biệt về biểu tượng, nhưng đều gặp nhau ở một điểm: quê hương không chỉ là đất đai, mà là hồn thiêng, nhân phẩm và cộng đồng.

3.1. Phương Đông - Quê hương như cội nguồn tâm linh và hiếu nghĩa

Phương Đông, với truyền thống cộng đồng, coi quê hương là một thực thể tâm linh gắn với huyết thống và hiếu nghĩa.

Trong văn hóa Trung Hoa, quê hương được biểu tượng hóa thành “*hương hỏa*” – dòng liên tục của tổ tiên, nơi “*lá rụng về cội*”. Thi hào Đỗ Phủ, trong thời loạn An Sử, đã viết:

“*Quốc phá sơn hà tại, thành xuân thảo mộc thâm*” – Nước mất nhưng non sông còn, thành cũ chỉ còn cỏ xuân mọc dày (Đỗ Phủ, Xuân vọng).

Câu thơ cho thấy quê hương là điểm tựa tinh thần bất biến: dù vương triều sụp đổ, tình yêu quê hương vẫn trường tồn.

Tại Ấn Độ, Tagore coi quê hương là một dòng chảy tinh thần: “*Quốc gia không phải là cỗ máy, mà là sự biểu hiện của tinh thần con người*” (Tagore, 1917/2001). Ở đây, tình yêu quê hương không phải là sùng bái lãnh thổ, mà là tình yêu văn hóa, tình người – rất gần với tinh thần Phật học.

Trong truyền thống Ba Tư – Hồi giáo, Rumi đã viết: “*Đừng đi tìm quê hương ở xa; quê hương người chính là nơi tâm hồn người tìm thấy sự an bình*” (Rumi, 1997). Câu nói này soi chiếu rõ nguyên lý Phật học: quê hương là kết quả của tâm, là cảnh giới an lạc nội tâm.

Từ Nho đến Phật, từ Ấn Độ đến Trung Hoa, quê hương phương Đông vì thế được nhìn như cội nguồn tâm linh – hiếu nghĩa – cộng sinh.

3.2. Phương Tây - quê hương như tự do, nhân phẩm và căn cước công dân

Khác với phương Đông, phương Tây thường nhấn mạnh quê hương như một biểu tượng của tự do, danh dự và nhân phẩm.

Shakespeare, trong vở Henry V, để nhà vua thốt lên: “*Thà chết vinh trên đất Tổ quốc, còn hơn sống nhục nơi đất khách*” (Shakespeare, 1599/2004). Đây là lời khẳng định rằng quê hương không chỉ là nơi chôn rau cắt rốn, mà là danh dự sống còn.

Goethe, nhà thơ Đức, lại nhìn quê hương từ khía cạnh nhân văn: “*Ai có quê hương, người ấy mới có thể giới*”. Với ông, quê hương là điểm xuất phát để cá nhân hòa nhập toàn cầu, tương ứng với triết lý Phật học: muốn yêu nhân loại, phải biết yêu xóm làng.

Pablo Neruda, nhà thơ Chile, ca ngợi sức sống bất diệt của quê hương: “*Họ có thể cắt tất cả hoa, nhưng không thể ngăn mùa xuân đến*” (Neruda, 1973). Đây là một hình ảnh gần gũi với tinh thần Phật học: quê hương như hạt giống thiện lành, có thể bị dày xéo nhưng luôn hồi sinh.

Kahlil Gibran – triết gia Liban – viết trong Nhà tiên tri: *“Ngôi nhà của bạn không phải là nơi bạn ở, mà là nơi sâu thẳm nhất của khao khát”* (Gibran, 1923/2002).

Đây chính là *“quê hương nội tâm”* – điểm gặp gỡ giữa Đông và Tây, giữa Gibran và Phật học.

Như vậy, ở phương Tây, tình yêu quê hương là căn cước công dân – phẩm giá – tự do. Nó mang tính cá nhân mạnh mẽ, nhưng cũng mở ra khát vọng cộng đồng.

3.3. Kim – Cổ giao thoa: Quê hương như giá trị vĩnh hằng

Từ Homer trong Iliad, với những chiến binh Hi Lạp ra trận vì quê hương, đến các triết gia hiện đại, quê hương luôn được xem là giá trị vĩnh cửu.

Ở phương Đông, cổ nhân đã ca ngợi quê hương bằng triết lý hiếu nghĩa: *“Nhất nhật tại tha hương, thiên thu vọng cố quốc”* – một ngày xa quê cũng là ngàn năm nhớ nước. Ở phương Tây, Cicero (La Mã cổ đại) khẳng định: *“Không ai yêu đất nước mình chỉ vì nó lớn, mà vì nó là quê hương”*.

Kim hay Cổ, Đông hay Tây, tất cả đều gặp nhau ở điểm chung: quê hương là sự bất tử tinh thần, vượt lên thời gian và thể chế.

3.4. Việt Nam – Điểm giao thoa đặc biệt

Việt Nam, với truyền thống làng xã, là nơi hội tụ độc đáo của Đông – Tây, Kim – Cổ. Ở ta, quê hương vừa là đất Mẹ tâm linh, vừa là nơi hun đúc nhân phẩm công dân.

Ca dao dân gian viết: *“Quê hương là chùm khế ngọt, cho con trèo hái mỗi ngày.”*

Nguyễn Du trong Truyện Kiều thổn thức: *“Quê hương khuất bóng chiều hôm/ Nghe chừng tiếng trống vọng hồn xa quê.”*

Xuân Diệu – thi sĩ mới – nhắn gửi: *“Quê hương ơi! tiếng gọi thiết tha/ Như máu chảy trong tim ta mỗi ngày”*.

Ở đó, ta thấy rõ: tình yêu quê hương Việt Nam vừa mang chất Phật học (cộng sinh, hiếu nghĩa, vô ngã), vừa tiếp nhận tinh thần nhân văn phổ quát (tự do, nhân phẩm).

3.5. Tư tưởng kết nối

So sánh Đông – Tây, Kim – Cổ, có thể tóm gọn:

- Phương Đông: quê hương là cội nguồn tâm linh – hiếu nghĩa – cộng sinh.
- Phương Tây: quê hương là danh dự – tự do – nhân phẩm.
- Cổ điển: quê hương là giá trị vĩnh cửu, thiêng liêng bất biến.
- Hiện đại: quê hương là trách nhiệm công dân toàn cầu.

Phật học, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam, dung hòa tất cả: quê hương là trạng thái tâm – trách nhiệm công dân – cộng sinh xã hội – linh hồn dân tộc.

Tình yêu quê hương, do đó, không phải là khái niệm bản địa, mà là một giá trị nhân loại phổ quát, vừa mang tính triết học, vừa mang tính văn hóa – chính trị.



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

4. Liên hệ văn hóa – văn học Việt Nam

Nếu Phật học cho ta khung triết học về tình yêu quê hương như một triết lý cộng sinh, thì văn hóa và văn học Việt Nam chính là minh chứng sống động cho triết lý ấy trong suốt ngàn năm dựng nước và giữ nước. Ở Việt Nam, quê hương không bao giờ chỉ là địa lý, mà còn là không gian đạo lý, là “*bến đỗ tâm linh*” của mỗi cá nhân và của cả cộng đồng dân tộc.

4.1. Ca dao – tiếng lòng cộng sinh của dân gian

Ca dao Việt Nam là kho tàng đạo lý bình dân, nơi nhân dân gửi gắm những chân lý lớn bằng ngôn từ giản dị. Câu ca:

*“Quê hương là chùm khế ngọt,
Cho con trèo hái mỗi ngày.
Đường đi học là đường quê hương,
Con về rợp bướm vàng bay.”*

Ca dao Việt Nam đã định nghĩa quê hương qua trải nghiệm cộng đồng: quả khế ai cũng hái, con đường ai cũng đi, bướm vàng ai cũng thấy. Quê hương là “của chung” – là tài sản cộng đồng. Điều này chính là cộng nghiệp trong Phật học: phúc lạc hay khổ đau của cộng đồng đều chia sẻ.

Ca dao còn dạy tình làng nghĩa xóm: *“Bầu ơi thương lấy bí cùng/ Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.”*

Câu ca giản dị mà bao hàm triết lý duyên khởi: khác biệt nhưng gắn bó, tồn tại nhờ nhau. Đây cũng là hồn cốt của văn hóa Việt: biết thương nhau như thể thương thân.

4.2. Truyện Kiều – quê hương như bến đò tâm linh

Nguyễn Du trong Truyện Kiều đã viết nên những trang thơ thấm đẫm nỗi đau và niềm nhớ quê hương. Kiều lưu lạc nơi đất khách: *“Quê người đất khách lạ lòng/ Bến sông nào cũng vấn vương nỗi sầu.”*

Ở đây, “đất khách” là biểu tượng của mất gốc, của sự cắt lìa cộng sinh. Quê hương trở thành bến đò tâm linh, nơi con người tìm về an trú.

Nguyễn Du đã biến tình yêu quê hương thành chân lý nhân sinh: một khi xa quê, con người đánh mất gốc rễ tinh thần. Điều này đồng vọng với Phật học: xa rời cộng sinh là xa rời an lạc.

4.3. Thơ ca hiện đại – quê hương trong nỗi nhớ và khát vọng

Bước vào thế kỷ XX, tình yêu quê hương tiếp tục chảy trong mạch thơ ca Việt Nam, với nhiều cung bậc mới.

Xuân Diệu – thi sĩ của tuổi trẻ và tình yêu – đã khẳng định: *“Quê hương ơi! tiếng gọi thiết tha/ Như máu chảy trong tim ta mỗi ngày.”* Ở đây, quê hương không còn là cảnh trí, mà là mạch máu sinh mệnh – không thể tách rời.

Hàn Mặc Tử – trong niềm đau và khao khát sống – lại coi quê hương như một thiên đường bé nhỏ: *“Quê hương là một thiên đường/ Nơi tôi đã ngửa mặt khóc và cười.”* Với ông, quê hương vừa thực vừa siêu thực, vừa trần gian vừa thánh địa – gắn gũi với quan niệm Phật học về cảnh giới do tâm tạo.

Nguyễn Bính – nhà thơ của làng quê – viết: *“Quê tôi có gió bốn mùa/ Có trăng giữa tháng, có chùa quanh năm.”* Một câu thơ mà gói trọn linh hồn văn hóa Việt: quê hương là gió – trăng – chùa. Đó không chỉ là phong cảnh, mà là hệ giá trị tinh thần – nơi chùa chiền, Phật pháp trở thành trục linh hồn của làng xã.

4.4. Âm nhạc Trịnh Công Sơn – quê hương như Mẹ

Nếu thơ ca đưa quê hương vào hình tượng máu, trăng, bến sông, thì Trịnh Công Sơn đã nâng quê hương lên thành người Mẹ: *“Quê hương mỗi người chỉ một/ Như là chỉ một mẹ thôi.”* Ở đây, quê hương – mẹ – đất – người hòa làm một. Đây chính là triết lý hiếu nghĩa trong Kinh Vu Lan: hiếu với cha mẹ không thể tách rời hiếu với quê hương. Khi ta yêu quê hương, là ta đang yêu Mẹ; khi ta hiếu kính Mẹ, là ta đang giữ gìn quê hương.

4.5. Văn hóa làng – nền tảng cộng sinh của Việt Nam

Không thể nói về tình yêu quê hương ở Việt Nam mà bỏ qua văn hóa làng xã. Làng là hạt nhân cộng đồng, là nơi hình thành bản sắc Việt. Người Việt có câu: *“Láng giềng tối lửa tắt đèn có nhau”*. Đó là triết lý cộng sinh giản dị. Trong hương ước, trong nếp sống, trong đình chùa, mọi cá nhân được gắn kết thành cộng đồng.

Nguyễn Trãi trong Bình Ngô đại cáo đã khẳng định: *“Người trong một nước phải thương nhau cùng”*. Tư tưởng ấy, khi đi vào cấu trúc làng xã, trở thành lễ sống. Ở nông thôn Việt, đình làng không chỉ là nơi họp việc công, mà là trung tâm văn hóa – tâm linh, nơi diễn ra lễ hội, nơi cố kết cộng đồng. Ngôi chùa, ngọn tháp, cây đa, giếng nước – tất cả tạo thành một không gian cộng sinh đúng với triết lý Phật học.

4.6. Tình yêu quê hương trong chính trị và văn hóa

Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng tình yêu quê hương – tình làng nghĩa xóm như nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: *“Văn hóa còn thì dân tộc còn”* (ĐCSVN, 2021). Còn Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: *“Quê hương là chốn trở về, nuôi dưỡng nghĩa tình cộng đồng, “Ngày 30/4 là biểu tượng khát vọng hòa bình, đoàn kết, hòa hợp dân tộc”, gợi*

nhắc biến tình yêu quê hương thành sức mạnh kết nối và phát triển bền vững.

Nghị quyết 68-NQ/TW (2025) chỉ rõ: *“Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế, trên cơ sở phát huy truyền thống văn hóa và trách nhiệm xã hội”*. Điều này đồng nghĩa: tình yêu quê hương không chỉ là cảm xúc, mà còn là động lực chính trị – kinh tế – văn hóa.

4.7. Tư tưởng kết nối

Có thể tổng hợp rằng trong văn hóa – văn học Việt Nam:

- Ca dao: quê hương là cộng sinh, là *“giàn bầu bí chung”*.
- Truyện Kiều: quê hương là bến đợi tâm linh.
- Thơ ca hiện đại: quê hương là máu, là thiên đường, là gió – trăng – chùa.
- Trịnh Công Sơn: quê hương là Mẹ, là hiếu nghĩa.
- Văn hóa làng xã: quê hương là nền tảng cố kết cộng đồng.
- Chính trị hiện đại: quê hương là động lực khơi dậy khát vọng phát triển, gắn kinh tế với văn hóa, hội nhập với bản sắc.

Như vậy, tình yêu quê hương trong văn hóa Việt Nam là sự kết hợp hoàn hảo giữa triết lý Phật học (từ bi – trí tuệ – cộng sinh – hiếu nghĩa) và bản sắc dân tộc (nghĩa tình – đoàn kết – cố kết cộng đồng). Nó vừa nuôi dưỡng thơ ca, vừa là sức mạnh chính trị dựng nước, giữ nước.

5. Ứng dụng trong kỷ nguyên mới

Nếu trong quá khứ, tình yêu quê hương chủ yếu gắn với sự hy sinh chống ngoại xâm, dựng làng giữ nước, thì trong thế kỷ XXI – kỷ nguyên của trí tuệ nhân tạo, toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế – tình yêu ấy được đặt vào những thử thách và trách nhiệm mới. Đây là lúc triết lý cộng sinh của Phật học gặp gỡ với đường lối chính trị hiện đại, biến tình yêu quê hương thành hành động phát triển bền vững.

5.1. Quê hương trong kỷ nguyên AI và chuyển đổi số

Sự bùng nổ của AI đang mở ra cơ hội lớn, nhưng cũng đặt ra nguy cơ gia tăng khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, giữa trung tâm và vùng dân tộc thiểu số. Nghị quyết 57-NQ/TW (2025) khẳng định: *“Phát triển khoa học, công nghệ*

và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là động lực chủ yếu cho phát triển đất nước nhanh và bền vững”.

Trong bối cảnh đó, tình yêu quê hương không chỉ dừng lại ở hoài niệm, mà phải trở thành khát vọng sáng tạo:

- Đưa internet, dữ liệu, công nghệ đến từng thôn bản.
- Biến nông sản quê hương thành sản phẩm toàn cầu nhờ thương mại điện tử.
- Số hóa văn hóa làng xã, để các lễ hội, phong tục, truyện cổ trở thành “di sản số”.

Phật học nhấn mạnh: “*Tâm dẫn đầu các pháp*” (Kinh Pháp cú, kệ 1). Trong kỷ nguyên số, tâm sáng tạo và tâm phụng sự cộng đồng chính là con đường giữ quê hương khỏi bị bỏ lại phía sau. Người trẻ yêu quê hương hôm nay không chỉ trở về cấy lúa, mà còn trở về khởi nghiệp nông nghiệp thông minh, lập doanh nghiệp xã hội, mang AI phục vụ cộng đồng.

5.2. Quê hương thời toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế

Toàn cầu hóa là dòng chảy hai chiều: mở ra cơ hội nhưng cũng dễ làm phai nhạt bản sắc. Nghị quyết 59-NQ/TW (2025) chỉ rõ: “*Hội nhập quốc tế phải toàn diện, sâu rộng, hiệu quả, dựa trên bản lĩnh và bản sắc văn hóa Việt Nam*”.

Điều đó nghĩa là: yêu quê hương không đồng nghĩa khép kín, mà là hội nhập từ bản sắc. Một làng nghề gốm Bát Tràng, một điệu hò Huế, một lễ hội Đền Hùng... đều có thể bước ra thế giới như thông điệp tình yêu quê hương Việt.

Tagore từng nhấn mạnh: “*Quốc gia không phải là cỗ máy, mà là sự biểu hiện của tinh thần con người*” (Tagore, 1917/2001). Tinh thần ấy chính là bản sắc. Nếu đánh mất bản sắc, quê hương sẽ bị hòa tan; nếu giữ bản sắc, quê hương có thể hội nhập mạnh mẽ mà không mất gốc.

Phật học dạy nguyên lý “*Trùng trùng duyên khởi*”: mọi sự tồn tại đều trong quan hệ tương tác. Hội nhập quốc tế, nhìn dưới ánh sáng ấy, là sự cộng sinh toàn cầu. Yêu quê hương hôm nay chính là góp phần xây dựng bản sắc Việt để nhân loại thêm phong phú.

5.3. Quê hương trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu không còn là khái niệm khoa học xa vời, mà là thực tại ở từng thửa ruộng, từng cánh rừng, từng bờ biển quê hương. Việt Nam nằm trong

nhóm 10 quốc gia chịu tác động nặng nề nhất.

Phật học với nguyên lý duyên khởi nhắc rằng: không có gì tồn tại độc lập. Con người và thiên nhiên là một. Phá rừng thì đồng bằng mất nước; xả thải thì biển dậy sóng. Yêu quê hương, vì thế, không chỉ là dựng đình chùa, giữ phong tục, mà còn là giữ lấy môi trường: trồng cây, giữ rừng, giảm phát thải, bảo vệ đa dạng sinh học.

Hòa thượng Thích Trí Quảng từng dạy: *“Có trí tuệ mới có từ bi”*. Trong vấn đề khí hậu, từ bi không đủ nếu không có trí tuệ công nghệ: năng lượng tái tạo, nông nghiệp xanh, quy hoạch sinh thái. Đây là ứng dụng hiện đại của triết lý cộng sinh: quê hương chỉ thật sự được yêu khi con người hành động để nó không chìm trong nước biển dâng, không khô héo vì sa mạc hóa.

5.4. Quê hương trong nền pháp quyền XHCN

Một quê hương yên vui không thể chỉ dựa vào nghĩa tình, mà còn cần pháp luật công bằng. Nghị quyết 66-NQ/TW (2025) nhấn mạnh: *“Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, gắn với bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân”*.

Tình yêu quê hương, trong bối cảnh này, phải được *“thể chế hóa”*:

- Tình làng nghĩa xóm đi đôi với hương ước văn minh.
- Lợi ích cá nhân gắn liền với lợi ích cộng đồng.
- Pháp luật bảo vệ người yếu thế, để mọi thành viên đều có chỗ dựa.

Phật học dạy vô ngã vị tha: đặt cái chung lên trên cái riêng. Đây chính là tinh thần của pháp quyền XHCN – nơi tình yêu quê hương không chỉ là đạo lý, mà là luật sống, là nền tảng công bằng để cộng đồng phát triển hài hòa.

5.5. Quê hương trong động lực phát triển kinh tế

Nghị quyết 68-NQ/TW (2025) xác định: *“Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, trên cơ sở phát huy truyền thống văn hóa và trách nhiệm xã hội”*.

Như vậy, yêu quê hương không chỉ là yêu cảnh sắc, mà còn là làm giàu cho quê hương. Một doanh nhân yêu quê không chỉ dựng nhà máy, mà còn tạo việc làm, xây trường học, giữ môi trường xanh. Một trí thức yêu quê không chỉ nhớ về nơi chôn nhau, mà còn trở về hiến kế, khởi nghiệp, xây dựng sản phẩm *“Made in*

Vietnam” vươn tầm thế giới.

5.6. Tư tưởng kết nối

Nhìn lại, có thể thấy tình yêu quê hương trong kỷ nguyên mới chính là tích hợp:

- AI & chuyển đổi số (Nghị quyết 57): yêu quê là sáng tạo, không để ai bị bỏ lại phía sau.
- Hội nhập quốc tế (Nghị quyết 59): yêu quê là giữ bản sắc để bước ra toàn cầu.
- Nhà nước pháp quyền (Nghị quyết 66): yêu quê là tôn trọng luật pháp, bảo vệ công bằng.
- Kinh tế tư nhân (Nghị quyết 68): yêu quê là khát vọng làm giàu có trách nhiệm xã hội.

Soi chiếu bằng Phật học:

- Pháp cú: tâm sáng thì cộng đồng an.
- Hoa Nghiêm: duyên khởi tạo cộng sinh toàn cầu.
- Kim Cang: vô ngã để hiến dâng cho cộng đồng.
- Vu Lan: hiếu nghĩa để mở rộng tình yêu ra xã hội.

Tình yêu quê hương trong kỷ nguyên mới không chỉ là tình cảm, mà là chiến lược phát triển bền vững, một triết học sống động nối liền đạo lý và chính trị, cá nhân và cộng đồng, dân tộc và nhân loại.

6. Kết luận

Tình yêu quê hương – trong ánh sáng Phật học – là một chân lý sống động: không chỉ là cảm xúc riêng tư, mà là triết lý cộng sinh, nơi mỗi cá nhân hòa mình vào cộng đồng, mỗi gia đình hòa vào làng xã, và mỗi dân tộc hòa vào dòng chảy nhân loại.

Trong Kinh Pháp cú, đức Phật dạy: *“Ý dẫn đầu các pháp, ý làm chủ, ý tạo tác”* (kệ 1). Nếu con người giữ tâm an lạc, từ bi, thì quê hương sẽ thanh bình, phồn vinh. Nếu con người nuôi dưỡng tham – sân – si, thì quê hương tất yếu rơi vào hỗn loạn. Kinh Hoa Nghiêm nhấn mạnh: mọi sự tồn tại đều trong mối quan hệ trùng trùng duyên khởi – quê hương vì thế là cộng nghiệp, là kết quả tâm thức chung.

Kinh Kim Cang dạy về vô ngã – nhắc ta rằng yêu quê hương không phải để chiếm hữu, mà để hiến dâng. Kinh Vu Lan khẳng định đạo hiếu – hiếu với cha mẹ cũng chính là hiếu với quê hương, bởi quê hương là Mẹ lớn nuôi dưỡng mọi thế hệ.

Trong di sản văn hóa nhân loại, ta nghe Shakespeare khẳng định: *“Thà chết vinh trên đất Tổ quốc, còn hơn sống nhục nơi đất khách”*; Goethe nhắc: *“Ai có quê hương, người ấy mới có thể giới”*; Rumi thì thầm: *“Quê hương người chính là nơi tâm hồn người tìm thấy sự an bình”*; còn Gibran viết: *“Ngôi nhà của bạn không phải nơi bạn ở, mà là nơi sâu thẳm nhất của khao khát”*. Tất cả đều gặp nhau ở một điểm: quê hương không chỉ là đất đai, mà là căn cước tinh thần, là nơi nhân phẩm được khẳng định.

Trong văn hóa Việt Nam, từ ca dao: *“Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”*, đến Truyện Kiều: *“Quê người đất khách lạ lòng, bến sông nào cũng vấn vương nổi sầu”*, đến Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, rồi Trịnh Công Sơn với lời ca bất tử: *“Quê hương mỗi người chỉ một, như là chỉ một mẹ thôi”* – quê hương đã trở thành mạch nguồn đạo lý và thẩm mỹ. Đó là nơi cộng sinh, nơi hiếu nghĩa, nơi trái tim cá nhân hòa vào linh hồn dân tộc.

Trong chính trị hôm nay, tình yêu quê hương được nâng lên thành chiến lược phát triển.

- Nghị quyết 57 nhấn mạnh: yêu quê hương là sáng tạo trong chuyển đổi số, để không ai bị bỏ lại phía sau.

- Nghị quyết 59 khẳng định: yêu quê hương là giữ bản sắc để hội nhập toàn cầu.

- Nghị quyết 66 đặt yêu cầu: yêu quê hương là xây dựng pháp quyền, công bằng xã hội.

- Nghị quyết 68 coi yêu quê hương là động lực phát triển kinh tế tư nhân gắn với văn hóa và trách nhiệm xã hội.

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng nói: *“Văn hóa còn thì dân tộc còn”*. Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: *“Quê hương – chốn trở về, uơm mầm nghĩa tình cộng đồng”*. Hòa thượng Pháp chủ Thích Trí Quảng dạy: *“Có trí tuệ mới có từ bi”*. Ba tiếng nói – chính trị, văn hóa, Phật học – cùng hội tụ để chỉ ra rằng: tình yêu quê hương chính là sức mạnh mềm của dân tộc Việt Nam, là năng lượng để đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

Vậy, trong kỷ nguyên AI, toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu, tình yêu quê hương phải được ứng dụng hóa:

- Ứng dụng công nghệ xanh, phát triển bền vững.
- Rõ nét về bản sắc để hội nhập quốc tế.
- Thiết chế pháp quyền công bằng cho mọi người dân.
- Kiến tạo động lực kinh tế có trách nhiệm.

Tình yêu quê hương, dưới ánh sáng phật học, không phải là sự hoài niệm đóng khung, mà là một chân trời mở ra: vừa gần với cội nguồn, vừa vươn tới tương lai. Nó vừa nuôi dưỡng tâm hồn, vừa dẫn dắt chính sách; vừa khẳng định bản sắc Việt, vừa kết nối nhân loại.

Có thể nói, tình yêu quê hương là sợi chỉ đỏ xuyên qua lịch sử, văn hóa, triết học và chính trị; là mạch ngầm bất tận để dân tộc ta đứng vững qua sóng gió, và cũng là ánh sáng cộng sinh để chúng ta bước vào thế kỷ XXI với bản lĩnh, trí tuệ và nhân văn.

Châm ngôn kết tinh: “Tình yêu quê hương là ánh sáng cộng sinh – nơi từ bi gặp trí tuệ, nơi hiếu nghĩa hóa thành khát vọng, nơi trái tim mỗi người hòa vào linh hồn dân tộc và cùng nhân loại kiến tạo một tương lai bền vững.”

Tài liệu tham khảo (chuẩn hóa – APA 7th):

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025a). Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025b). Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025c). Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2025d). Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập 1). Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
6. Đức Phật. (2016a). Kinh Hoa Nghiêm (Thích Trí Tịnh dịch). Hà Nội: Nxb Tôn giáo.

7. Đức Phật. (2016b). Kinh Kim Cang (Thích Trí Quang dịch). Hà Nội: Nxb Tôn giáo.
8. Đức Phật. (2016c). Kinh Pháp cú (Thích Minh Châu dịch). Hà Nội: Nxb Tôn giáo.
9. Đức Phật. (2016d). Kinh Vu Lan (Thích Nhật Từ dịch). Hà Nội: Nxb Tôn giáo.
10. Gibran, K. (2002). The Prophet. New York: Alfred A. Knopf. (Tác phẩm gốc xuất bản 1923).
11. Goethe, J. W. (1998). Selected Poems. Princeton: Princeton University Press.
12. Hàn Mặc Tử. (2002). Thơ Hàn Mặc Tử. Hà Nội: Nxb Văn học.
13. Hồ Chí Minh. (2011). Hồ Chí Minh Toàn tập (Tập 4). Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
14. Nguyễn Bính. (2002). Thơ Nguyễn Bính. Hà Nội: Nxb Văn học.
15. Nguyễn Du. (2004). Truyện Kiều. Hà Nội: Nxb Văn học.
16. Nguyễn Phú Trọng. (2021). Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
17. Neruda, P. (1973). Selected Poems. New York: Farrar, Straus and Giroux.
18. Rumi, J. (1997). The Essential Rumi (Coleman Barks dịch). New York: HarperCollins.
19. Shakespeare, W. (2004). Henry V. Cambridge: Cambridge University Press. (Tác phẩm gốc xuất bản 1599).
20. Tagore, R. (2001). Nationalism. New Delhi: Rupa & Co. (Tác phẩm gốc xuất bản 1917).
21. Thích Trí Quảng. (2023). Từ bi và trí tuệ trong thời đại mới. Hà Nội: Nxb Tôn giáo.
22. Tô Lâm. (2025). Phát biểu tại Hội nghị toàn quốc về công tác dân tộc. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.
23. Trịnh Công Sơn. (2017). Tuyển tập ca khúc Trịnh Công Sơn. TP.HCM: Nxb Trẻ.
24. Xuân Diệu. (2000). Thơ Xuân Diệu. Hà Nội: Nxb Văn học.

25. Tô Lâm. (2025a, 30 tháng 4). Diễn văn tại Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975–30/4/2025). Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

26. Tô Lâm. (2025b, 2 tháng 9). Diễn văn tại Lễ kỷ niệm 80 năm Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam (2/9/1945–2/9/2025). Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tác giả: **Ths Nguyễn Hoàng Hành**, Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền công tác dân tộc, tôn giáo – Bộ Dân tộc và Tôn giáo